

TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI DAO Ở VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC: NHỮNG BIẾN ĐỔI VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA¹

TS. Lý Hành Sơn

Viện Dân tộc học

Email: hmongdao@yahoo.com.vn

Tóm tắt: Tín ngưỡng truyền thống của người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cũng như tộc người Dao ở nước ta được hình thành trong lịch sử tộc người, có vai trò to lớn đối với việc duy trì các nghi lễ, lễ hội của đồng bào. Đặc biệt, gắn với nghi lễ, tín ngưỡng là thực hành của những thành tố văn hóa vật chất và tinh thần khác như các loại nhạc cụ, các điệu múa, hát và thơ cúng, nghệ thuật trang trí, các đồ ẩm thực dâng cúng, lễ phục, tranh thờ,... Tín ngưỡng truyền thống của người Dao ở nhiều địa phương thuộc vùng biên giới đã và đang có nhiều biến đổi theo xu hướng mai một, cần có giải pháp thiết thực hơn để bảo tồn và phát huy những yếu tố tích cực của nó trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập.

Từ khóa: Người Dao, giá trị tín ngưỡng, biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Abstract: Traditional beliefs of Dao people in the Vietnam-China border area as well as of Dao ethnicity in our country were formed in the history of the ethnic group and have played a great role in maintaining the rituals and festivals of this ethnicity. In particular, accompanying rituals and beliefs is the practice of other material and spiritual cultural elements such as musical instruments, dances, singing, worshipping poetry, decorative arts, food offerings, ceremonial clothes, worship pictures, etc. Through out the border areas, the traditional beliefs of the Dao have been declining, which requires practical solutions to preserve and protect their positive elements in the context of market economy development, globalization and integration.

Keywords: Dao people, value of beliefs, Vietnam-China border.

Ngày nhận bài: 26/7/2021; ngày gửi phản biện: 30/8/2021; ngày duyệt đăng: 9/10/2021

Mở đầu

Tính đến năm 2019, dân tộc Dao ở Việt Nam có 891.151 người (Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê, 2020, tr. 19). Sau 10 năm, kể từ cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “Biến đổi tín ngưỡng truyền thống của dân tộc Hmông, Dao ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trịnh Thị Lan làm chủ nhiệm (2021-2022).

2009 đến năm 2019, dân số dân tộc Dao ở nước ta đã tăng thêm 140.084 khẩu, song vẫn phân bố cư trú chủ yếu ở các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, đặc biệt là tại những tỉnh như: Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Sơn La, Hòa Bình. Nếu trước năm 1975, người Dao ở Việt Nam chủ yếu sinh sống ở 16 tỉnh, trong đó tập trung ở 7 tỉnh, 86 huyện, 165 xã thuộc miền núi và trung du Bắc Bộ, thì sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, địa bàn cư trú của người Dao được mở rộng vào một số tỉnh Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ (Bé Viết Đăng, 1998, tr. 18).

Tộc người Dao ở Việt Nam đã từ lâu cư trú ở hầu hết các tỉnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, từ Lai Châu đến Quảng Ninh, trong đó tập trung ở một số địa phương như Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Quảng Ninh. Đến nay đã có không ít ấn phẩm viết về tộc người Dao ở nước ta trên tất cả các lĩnh vực từ nguồn gốc lịch sử, hoạt động sinh kế, tập quán xã hội... đến văn hóa và tri thức tộc người (Vương Xuân Tình chủ biên, 2018, tr. 181-184). Song, vẫn còn thiếu những nghiên cứu chuyên sâu về tộc người Dao, đặc biệt là về tín ngưỡng của họ tại các tỉnh vùng biên giới.

1. Khái quát về người Dao ở các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, các tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc đều có người Dao, trong đó cư trú đông ở Hà Giang (109.708 người), Lào Cai (88.379 người), Quảng Ninh (59.156 người), Cao Bằng (51.124 người),... (Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2010). Tuy vậy, số người Dao sống ở khu vực biên giới thuộc các tỉnh thì chưa nhiều, bởi bên kia biên giới người Dao Trung Quốc thường tập trung ở nội địa, chỉ một vài địa phương có người Dao cư trú tiếp giáp với các tỉnh Quảng Ninh, Lào Cai, Lạng Sơn của Việt Nam, nhưng đồng bào ít quan hệ qua lại với nhau. Một mặt, do hiện nay các nhóm Dao sinh sống tại khu vực biên cương như Dao Thanh Y, Dao Lô Gang tức Dao Thanh Phán, đặc biệt là hai nhóm Dao Đỏ, Dao Tuyển đã không còn duy trì mối quan hệ bền chặt về dòng họ ở địa phương và xuyên biên giới; trong khi những nhóm Dao có quan hệ chặt chẽ giữa các thành viên dòng họ như Dao Tiền, Dao Quần Chẹt, Dao Quần Trắng lại không có mặt ở địa bàn biên giới. Chưa kể tới những khác biệt về nhiều mặt giữa người Dao ở Trung Quốc với người Dao ở nước ta. Mặt khác, từ khi xảy ra chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979, người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã tự giác nâng cao về ý thức quốc gia Việt Nam do thường xuyên bị phía Trung Quốc quấy phá, chia rẽ và được cán bộ, bộ đội biên phòng ở địa phương tuyên truyền giác ngộ (Tư liệu của tác giả khi phỏng vấn người Dao Lô Gang tại xã Quảng Lâm, huyện Quảng Hà, tỉnh Quảng Ninh; và người Dao Tuyển ở xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai).

Qua tư liệu điền dã cho thấy, cũng như người Dao trong cả nước, bộ phận người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trước đây đều sống du cư, gắn bó với rừng núi bằng cách làm rẫy với chăn nuôi thả rông. Họ không chỉ tích lũy được kinh nghiệm canh tác nhiều loại nương mà còn có nhiều nghi lễ tín ngưỡng liên quan đến nương rẫy, khai thác nguồn lợi

tự nhiên. Do kinh tế tự cấp, nên trước kia họ thường làm đủ các nghề thủ công như dệt vải, nhuộm chàm (nhóm Dao Tuyển và Dao Thanh Y), mở lò rèn, làm giấy, mộc, đan lát, chữa bệnh,... Ngày nay, đồng bào đã sống định cư, chủ yếu làm ruộng kết hợp gieo trồng những cây có tính hàng hóa, trồng và chăm sóc rừng, phát triển một số ngành nghề phi nông nghiệp, thậm chí đi làm ăn xa.

Về cơ bản, người Dao sinh sống ở biên giới vẫn giữ được 3 loại nhà cổ truyền: nền đất, nửa đất nửa sàn, nền sàn. Nhóm Dao Tuyển thường ở nhà sàn, chỉ số ít ở nhà nửa sàn nửa đất; các nhóm Dao Đỏ, Dao Thanh Y và Dao Lô Gang chủ yếu ở nhà nền đất. Mỗi loại nhà có nét riêng bởi văn hóa từng nhóm Dao, nhưng nếu là nhà truyền thống thì có các điểm chung: số gian lẻ, có 2 - 3 bếp, 1 - 3 cửa, ít cửa sổ, bàn thờ đặt ở gian giữa. Về trang phục, phụ nữ các nhóm Dao ở biên giới đều mặc quần, chỉ khác biệt về áo, khăn, mũ. Nữ Dao Đỏ dùng nhiều núm len đỏ, áo dài với nếp ngực rộng; nhiều nơi họ mặc yếm là loại áo bé được khâu thưa và gắn các mảnh bạc, nơi khác lại đeo yếm hẹp dài. Nữ Dao Lô Gang ở Quảng Ninh đội khăn xếp nhiều lớp cao như cái mũ hình trụ, mép viền vải đỏ; áo khâu ở nếp ngực. Nữ phục Dao Tuyển và Dao Thanh Y gần giống nhau: màu chàm, ít khâu. Song, nữ Dao Tuyển đội mũ dệt hình đĩa có gắn nhiều mảnh bạc, áo có cổ thấp, khăn chỉ bằng nửa khăn của Dao Thanh Y và có tua dài ở 2 đầu; nữ Dao Thanh Y ở vài nơi thường mặc quần cộc, đội mũ đen nhỏ như cái đầu có đính một ngôi sao bạc ở đỉnh và gắn nhiều mảnh bạc tròn. Tùy nhóm Dao, phụ nữ còn dùng nhiều trang sức bằng bạc như vòng cổ, vòng tay, dây chuyền, hoa tai, nhẫn,... (Nhà xuất bản Thông tấn, 2007, tr. 15-77). Về đặc trưng trong ăn uống, cơm và bánh có: xôi màu ngũ sắc, bánh gio, bánh đen than; thức ăn có thịt chua nhiều loại, thập cẩm, thịt gà nấu nấm hương và gừng...; đồ uống thường nổi tiếng về rượu hoẵng, rượu cất ngâm các vị thuốc bổ, các loại rễ cây để đun nước uống có tác dụng tốt cho sức khỏe.

Trong tổ chức xã hội, người Dao ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc, cụ thể là ở Hà Giang có nhiều họ, đặc trưng là họ Bàn. Mỗi họ gồm nhiều dòng, chỉ như họ Bàn có Bàn To (*Piễn Xi*), Bàn Nhỏ (*Piễn Ton*), Bàn Gốc (*Piễn Con*)...; họ Triệu có Triệu Mộc, Triệu Xanh, Triệu Đỏ,... Theo truyền thống, mỗi dòng họ có hệ thống tên đệm riêng cho các thế hệ đàn ông, khi hết một vòng (thường 4, 5, 7 hoặc 9) thì quay lại tên đệm ban đầu; giữa các thành viên cùng thế hệ ai lớn tuổi là anh hay chị, bắt kể con chú, con bác. Theo đó, gia đình các nhóm Dao đều là phụ quyền, chủ nhà là đàn ông nhưng khi quyết định những việc hệ trọng thì vẫn có sự bàn bạc giữa vợ chồng và các con lớn tuổi. Bởi thế gia đình người Dao sống cởi mở, thích nhận con nuôi và lấy rể đời hay rể tạm, thích kết nghĩa với người khác tộc. Theo truyền thống thì phụ nữ Dao đẻ ngồi, sau đẻ thường uống nước đun sôi với thuốc lá cây. Mới lọt lòng, nếu trẻ lâu khóc thì được quạt sách cúng, không quay mặt về mẹ sẽ làm lễ đẻ lại hoặc cho trẻ gọi người khác làm mẹ; sau 3 ngày thì cúng báo gia tiên và đặt tên trẻ theo số thứ tự; từ 2 đến 6 tuổi nếu trẻ hay ốm sẽ làm lễ đổi tên; bé trai từ 9 - 10 tuổi được cấp sắc. Đến tuổi kết hôn, trai gái đều được cha mẹ lo cưới chu đáo và nhà trai phải đến nhà gái

xin lộc mệnh cô gái, so tuổi trai gái, hỏi pháp danh bố đẻ cô gái và xem chân gà, ăn hỏi và xin thách cưới, rồi cho nhà gái một số đồ cưới và làm lễ cưới (Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý chủ biên, 1999, tr. 167-193).

Trên lĩnh vực văn hóa tinh thần, các nhóm Dao ở nơi biên giới vẫn duy trì nhiều loại truyện kể, đó là truyện thần thoại: Bàn Cổ, Quả bầu, Bàn Vương...; truyện cổ tích: Sự tích chuột ăn lúa, Sự tích ma bếp lò...; truyện về xã hội: Người mồ côi, Con cóc...; truyện về thiên di: Bình Hoàng khoán điệp, Đăng Hành và Bàn Đại Hộ;... Bên cạnh đó, thơ và ca của họ cũng phong phú như: Hát chào, Hát tiễn, Hát mời rượu, Hát về người mồ côi, Hát răn dạy, Bài ca vượt biển, *Ca Văn Long*, *Ca Hòn Luồng*,... Ngoài ra, còn số lượng lớn các loại tục ngữ, ca dao, câu đố. Riêng nghệ thuật của họ thì thể hiện qua các bài múa, nhạc cụ, tranh thờ, cách trang trí trên trang phục hoặc trên bàn thờ, đám chay,... Múa gồm có múa hát và múa không lời hát chỉ đệm các nhạc cụ. Đặc biệt là nghệ thuật trang trí bằng cách thêu, vẽ, cắt, khắc để tạo nên những hoa văn hình: hoa lá, công cụ, chim thú, người, kỷ hà... và các hoa văn tổng hợp. Những họa tiết này còn được trang điểm bởi nhiều màu sắc tùy tập quán từng nhóm Dao và từng loại sản phẩm (Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh đồng chủ biên, 2012, tr. 131-132).

2. Tín ngưỡng truyền thống và sự biến đổi

2.1. Tín ngưỡng truyền thống

Qua một số ấn phẩm và tư liệu điền dã tại nhiều địa phương người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cho thấy, ngoài một bộ phận nhỏ đã theo đạo Tin Lành, đa số người Dao nơi đây vẫn gìn giữ những nét cơ bản của tín ngưỡng truyền thống, thể hiện qua thế giới quan dân gian, các hình thức thờ cúng, đặc biệt là vẫn thường xuyên tổ chức một số nghi lễ, lễ hội trong phạm vi gia đình, dòng họ và cộng đồng cư trú. Các hình thức tín ngưỡng này không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc của người Dao ở vùng biên cương, mà còn lưu giữ những sự đa dạng về văn hóa tộc người Dao trong bối cảnh mới.

Thông qua thế giới quan dân gian, tín ngưỡng của người Dao ở nơi biên giới cũng như ở nước ta đều phản ánh vũ trụ có 3 tầng: tầng trên là nơi sống của các vị thần và người không lồ, tầng giữa là quê hương của người sống, tầng dưới - đất nước của những người lùn. Thế giới này được tạo ra bởi thần Bàn Cổ (Bé Viết Đăng và tập thể tác giả, 1971, tr. 289). Khi tạo lập thế giới và sự sống của nó, Bàn Cổ (*Cap Pò* - tiếng Dao Đỏ) cũng tạo ra các thần linh để cai quản thế giới: trên trời có các thiên thần (*lùng miến*) như Ngọc Hoàng, Thái thượng Lão Quân, thần sấm sét...; dưới nước có hà bá, long vương...; thế giới người sống có thần thổ địa, thổ công,... Ngoài các thần linh, còn có nhiều loại ma (*miến*), bao gồm ma tổ tiên. Theo người Dao, các loại ma thường do sự sống (*ca nai nàng*) khi chết (*tái*) biến hóa thành. Tuy có nhiều thần linh và ma nhưng thường chia làm hai loại: ma lành (*lóng*) và ma ác (*đóa*). Loại lành là các con ma và thần linh giáng phúc, bảo vệ cuộc sống của con người, phù hộ vật nuôi, đó là Bàn Vương (ông tổ của tộc người Dao), các bậc tổ tiên dòng họ, tổ sư

nghề cúng và thuốc thang, thần nông, thổ công, thổ địa, Ngọc Hoàng... cùng âm binh của những người đã qua cấp sắc. Loại ác là những con ma thường gây tai họa cho người, cây trồng và vật nuôi như ma sông, ma suối, ma núi, ma của những người chết bất đắc kỳ tử,... (Lý Dương Liễu chủ biên, 2004, tr. 251-257).

Theo đồng bào Dao, con người và mọi vật sống đều có hồn (*hòn*). Ở người, do hồn giống hình bóng của thân thể nên thường ra khỏi thể xác để chơi chu du hoặc sang thế giới tổ tiên. Khi con người bị hoảng sợ, sốc mạnh, làm việc quá sức, bị thương..., hồn sẽ bay ra khỏi thân thể, làm cho người cảm thấy mệt, ốm đau, thậm chí bị điên. Nếu hồn bay đi, lạc đường về, hoặc bị ma dữ bắt mà bói thấy thì phải mời thầy cúng đến làm lễ gọi hồn, dâng lễ vật cho ma dữ rồi chuộc lấy hồn về cho người ốm khỏi bệnh. Hồn của ai đó vĩnh viễn bay đi không trở về thì người ấy sẽ chết. Khi chết, thể xác sẽ tan đi, một số tồn tại ở mộ như xương, sọ, tóc...; số khác như tim, gan, thịt... thì bay sang một thế giới mới. Trong thế giới mới do tổ tiên hay một thánh thần khác cai quản, hồn và thể xác gặp nhau hóa thành người và sống ở đó cùng tổ tiên; nhưng cũng có thể biến thành chim, thú... nếu người chết ấy có tội nặng trong cuộc đời của mình khi sống ở trần gian. Ở thế giới người sống, do thể xác người chết tồn tại không nguyên vẹn nên hồn đó biến thành con ma tổ tiên (*cha phin miến*) để theo dõi, phù hộ sức khỏe cùng các công việc làm ăn của con cháu, đồng thời được con cháu thờ cúng trong các dịp lễ, tết hoặc khi nhà có công việc hệ trọng (Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý chủ biên, 1999, tr. 233-234).

Tín ngưỡng truyền thống là nền tảng để người Dao duy trì và thực hành các nghi lễ, lễ hội dân gian ở phạm vi gia đình, dòng họ, cộng đồng. Đó là các hình thức thờ cúng và nghi lễ diễn ra trong mỗi nhà như: cúng tổ tiên và các loại ma nhà (thổ thần, ma bếp, ma cửa, ma buồng...); tổ chức các nghi lễ vòng đời người, nhất là cấp sắc và cúng ma Bàn Vương, cưới xin, tang ma, cúng chữa bệnh,... Ở cấp độ dòng họ, có các nghi lễ như: cúng ma dòng họ tại bàn thờ dòng họ vào các dịp tết Nguyên đán, tết Rằm tháng 7...; cúng vào dịp lập thu; tập học bói hay tết nhảy được tổ chức vào dịp tết Nguyên đán;... Các nghi lễ ở cấp cộng đồng làng gồm: cúng miếu làng, quét làng và diệt trừ sâu bọ, khai xuân,... Các lễ tiết diễn ra trong mỗi gia đình có: tết năm mới, tết tháng 7 và nhiều lễ tiết khác cùng các nghi lễ liên quan tới trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt cá. Ngoài ra, còn có lễ cúng trước lúc ngã cây to, cúng trước khi gieo nường, cúng những con ma bói thấy là thủ phạm gây bệnh dịch cho vật nuôi..., kể cả những ngày kiêng kỵ không đi sản xuất, không mua bán gia súc,... (Lý Hành Sơn, 2019, tr. 119-125).

2.2. Sự biến đổi trong tín ngưỡng truyền thống

Từ một số tài liệu cho thấy, tín ngưỡng của mỗi tộc người là văn hóa nên luôn ở trạng thái động dưới sự tương tác từ nhiều yếu tố, đặc biệt là sự thay đổi về môi trường sống, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nhận thức của con người. Bởi thế, từ Đổi mới năm 1986, nhất là khi mở cửa biên giới Việt Nam - Trung Quốc năm 1991 đến nay, tín ngưỡng truyền thống của người

Dao ở tại các địa phương biên giới cũng không ngừng biến đổi. Trong đó, rõ nét nhất là một bộ phận nhỏ người Dao thuộc các nhóm Dao Tuyển và Dao Đỏ các huyện Yên Minh, Mèo Vạc (tỉnh Hà Giang), Bảo Lâm, Bảo Lạc (tỉnh Cao Bằng)... đã chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành. Họ đã bỏ bàn thờ tổ tiên; không thực hành các hình thức thờ cúng trong gia đình và cộng đồng cũng như các nghi lễ có liên quan; đã bỏ đi các loại nhạc cụ truyền thống được sử dụng trong cúng bái, tranh thờ, lễ phục thầy cúng,...

Vấn đề ở chỗ, thế giới quan và quan niệm về tín ngưỡng của đồng bào Dao nói chung và người Dao ở vùng biên giới hiện nay đã có nhiều thay đổi. Những người theo đạo Tin Lành cho rằng không có thế giới 3 tầng, không có ma bao gồm tổ tiên và ông tổ người Dao là Bàn Vương, mà chỉ có chúa trời là *Thìn Hùng* tức Giê-su, chỉ tin vào chức sắc tôn giáo. Riêng số đông người Dao hiện nay vẫn duy trì tín ngưỡng truyền thống thì cho rằng thế giới dân gian mà các cụ già kể lại chỉ là câu chuyện, còn thực tế không phải vậy; họ chỉ tin là có tổ tiên, các loại ma, sự sống và cái chết,... Tuy cho rằng chết không hẳn do ma làm mà do nhiều nguyên nhân, nhưng bộ phận người Dao này vẫn quan niệm khi con người chết: nếu trẻ con hoặc người chưa cấp sắc sẽ đi về với ông bà chúa hoa ở Động Đào Hoa (*Piàng Mả Tổng*); người được cấp sắc chết sẽ về với tổ tiên ở Dương Châu đại điện (*Giang Chiêu Tổng*), nhưng nếu cấp sắc bậc cao thì sẽ được lên trời - nơi Thái Thượng Lão Quân (*Lù Quân Tổng*) quản lý; những người chết bất đắc kỳ tử sẽ về nơi do một loại ma dữ quản lý (*Sà Lò Tổng*). Do đó, họ vẫn tin là có ma, nhất là ma tổ tiên gồm nhiều cấp độ: tổ tiên gia đình, tổ tiên dòng họ, tổ tiên tộc người Dao.

Tuy đã biến đổi nhưng với sự tồn tại một số quan niệm nêu trên, số đông người Dao vẫn duy trì tín ngưỡng truyền thống và thực hành những hình thức thờ cúng cơ bản cùng với các nghi lễ hệ trọng như cấp sắc, tang ma, cúng Bàn Vương là ông tổ của người Dao, cúng ma bản làng,... Trong nhà, họ vẫn giữ bàn thờ, kể cả miếu cúng ma bản của cộng đồng. Theo đó, họ vẫn duy trì nhạc cụ truyền thống, lễ phục, các dụng cụ dùng trong cúng bái, tranh thờ... nhưng cũng đã có sự biến đổi. Chẳng hạn, bàn thờ tuy vẫn bố trí trong gian chính của nhà nhưng được đóng cẩn thận bằng gỗ tốt so với trước kia chỉ là tấm liếp, có gia đình còn trang trí bàn thờ bằng những câu đối, dán giấy nhiều màu. Trong khi, miếu của bản/làng gần đây cũng đã làm bằng gỗ tốt; nơi có điều kiện còn huy động các hộ gia đình đóng góp kinh phí mua nguyên vật liệu về xây dựng miếu khang trang, tạo mặt bằng rộng rãi ở trước cửa miếu để dân làng tổ chức lễ cúng và ăn uống tập thể. Đây là xu hướng biến đổi chung về việc tạo dựng và trang trí nơi thờ cúng cùng với việc sắm sửa các dụng cụ dùng trong cúng bái. Đối với các hình thức thờ cúng, sự biến đổi thể hiện ở tình trạng mai một dần việc tổ chức cúng riêng một số nhiên thần, đặc biệt là thần phù hộ săn bắt (*o công miến*). Một số thần linh nếu trước đây cúng riêng thì nay cúng chung với tổ tiên khi có tết, lễ. Chẳng hạn như làm lễ cấp sắc kết hợp tổ chức cúng Bàn Vương, lễ tiết định kỳ hàng năm tổ chức cúng tổ tiên cùng các thần chăn nuôi, thần nông,...

Việc kết hợp cúng chung nhiều loại thần linh trong một nghi lễ đã tạo ra tình trạng bỏ bớt đi một số nghi lễ, nhất là các lễ cúng riêng liên quan tới sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi

và nghề thủ công. Cụ thể là hiện nay người Dao ở nhiều địa phương đã không còn thực hành các nghi lễ: cúng khi phát nương, cúng thóc giống, cúng lúc gieo nương hay cấy ruộng, cúng hồn trâu bò,... Một số nơi thậm chí đã không còn biết cúng các nghi lễ: cầu mưa, diệt trừ sâu bọ, khi mua gia súc,... Người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay tuy vẫn duy trì các nghi lễ vòng đời, thờ cúng các loại ma lành như ma nhà, ma bản làng, tổ nghề thuốc nam và cúng bái... nhưng đã có sự biến đổi nhiều. Chẳng hạn, trong diễn trình nghi lễ, các thầy cúng thường bỏ bớt những nghi thức rờn rà nên thời gian làm lễ được rút ngắn đi, cũng có khi lại thêm một vài chi tiết mới để buổi lễ hấp dẫn hơn; đồ cúng nay đã thay đổi nhiều do người dân không làm nương trồng lúa, thậm chí nhiều thứ bầy cúng còn được mua từ chợ mang về chế biến; việc trang hoàng cho buổi lễ, nhất là những nghi lễ hệ trọng thường rất khang trang, có điện thay đèn dầu;... Riêng nghi lễ lớn, thành phần tham dự không chỉ có người trong nhà, thông gia, xóm giềng mà còn có cán bộ địa phương, khách mời cùng bạn bè từ nơi khác đến (Trần Văn Hà, 2006). Chưa kể những biến đổi khác như: bỏ đi nhiều loại kiêng kỵ trong cuộc sống và liên quan tới thực hành các nghi lễ, hạn chế các lễ cúng chữa bệnh,...

Tư liệu khảo sát tại thực địa còn cho thấy, bối cảnh hiện nay đã có sự thay đổi về một số điều kiện để người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tiếp tục duy trì tín ngưỡng truyền thống. Đó là sự đổi thay về môi trường sống, các hình thức sinh kế mới ngày càng đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là sự thu hẹp về không gian sinh tồn cùng với việc phân bố cư trú xen kẽ ngày càng chặt chẽ giữa các tộc người láng giềng, thậm chí gia tăng tình trạng gia đình hỗn hợp dân tộc Dao với tộc người khác. Bên cạnh đó, người đàn ông Dao muốn làm thầy cúng để thực hành các nghi lễ tín ngưỡng thì phải trải qua cấp sắc - một nghi lễ bắt buộc mà lại khá tốn kém, nhưng nay không phải đàn ông Dao nào cũng muốn thụ lễ này. Thậm chí, trong làng người Dao và nhiều làng Dao cận cư mặc dù có nhiều đàn ông đã qua cấp sắc, nhưng không ai có khả năng làm thầy cúng, vì họ thụ lễ cấp sắc chỉ để trở thành người lớn, khi chết được trở về với tổ tiên. Sau khi đã cấp sắc, muốn làm thầy cúng thì người đó phải tốn nhiều thời gian học hỏi, đọc được chữ nôm Dao, thuộc nhiều bài thơ cúng, biết bói tìm ma làm hại,... Vì vậy, việc trở thành thầy cúng ở người Dao không phải cha truyền con nối mà là sự kiên trì học hỏi của mỗi người. Hơn nữa, trong xã hội người Dao, việc thầy cúng đi làm lễ là làm phúc cho người khác, không đem lại thu nhập đáng kể như hoạt động cúng bái của thầy cúng ở một số tộc người láng giềng. Đây là lý do dẫn đến tình trạng ngày càng hiếm thầy cúng giỏi ở một số thôn/làng người Dao, nguy cơ bị tôn giáo mới, nhất là đạo Tin Lành lôi kéo. Thực tế cho thấy, đối với tộc người Dao nói chung, một sự khó khăn là khi thực hành nghi lễ tang ma, bất kể tang ma ở cấp độ to hay nhỏ đều có mối liên quan tới tổ tiên và việc duy trì tập quán thờ cúng tổ tiên, vì thế bắt buộc phải có đầy đủ số thầy cúng đến làm lễ tang theo bài bản. Do đó, nếu ở địa phương người Dao không có thầy cúng tức không có người đến làm đám ma thì đây sẽ là điều kiện để đồng bào làm ma theo một hình thức khác, có

thể theo tôn giáo mới hay đạo Tin Lành. Những cộng đồng người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay đang theo đạo Tin Lành, chẳng hạn như tỉnh Hà Giang, người Dao ở hai xã Sủng Máng huyện Mèo Vạc và Mậu Duệ huyện Yên Minh (Trần Thị Hồng Yến, 2018) đi theo đạo Tin Lành đều có một phần xuất phát từ lý do này.

3. Giá trị của tín ngưỡng truyền thống và vấn đề đặt ra

3.1. Giá trị của tín ngưỡng truyền thống

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, tín ngưỡng truyền thống của người Dao ở vùng biên giới cũng như người Dao ở nước ta không chỉ có giá trị về mặt tâm linh và nhân văn, mà còn là di sản văn hóa của tộc người. Đặc biệt, tín ngưỡng góp phần duy trì và thực hành thường xuyên các đặc trưng văn hóa tiêu biểu của người Dao. Trước hết, tín ngưỡng với vũ trụ quan truyền thống luôn phản ánh những đặc trưng trong tri thức dân gian của người Dao mà đại diện là tầng lớp tinh hoa của cộng đồng, thể hiện sự khác biệt ít nhiều giữa các nhóm Dao và so với các tộc người trong việc giải thích về thế giới xung quanh con người; về sự sống và các hiện tượng tự nhiên; về sức khỏe, bệnh tật và cái chết; về sự phù hộ của thần linh và tổ tiên đối với các hoạt động của con người;... Các quan niệm này là cơ sở để hình thành và duy trì những hình thức thờ cúng cùng các nghi lễ trong gia đình, dòng họ và cộng đồng, như thờ cúng tổ tiên, cúng các nhân thần và nhiên thần phù hộ sức khỏe con người; các nghi lễ liên quan tới trồng trọt, chăn nuôi, làm nghề thủ công. Nhờ các nghi lễ tín ngưỡng trong gia đình và cộng đồng, đời sống tinh thần của người Dao thường xuyên được giải tỏa, mọi người thỏa mãn về mặt tâm linh, tâm lý. Từ đó, giúp họ gia tăng ý thức về vai trò của tín ngưỡng, trực tiếp trải nghiệm về sự thiêng liêng của tổ tiên cùng nhiều thánh thần được tôn thờ trong nghi thức thờ cúng khi thực hành các nghi lễ, lễ hội. Đây là cơ hội giúp họ có cảm giác “thăng hoa”, toại nguyện ước muốn trong cuộc sống đời thực. Nhờ vậy, sau khi thực hành tín ngưỡng, họ sẽ hăng hái sản xuất, thực hiện tốt các quy ước của thôn làng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Tín ngưỡng truyền thống có giá trị duy trì các yếu tố văn hóa vật thể tiêu biểu của người Dao ở vùng biên giới, như chữ nôm Dao và sách cúng ghi chép các chương trình làm lễ, các bài khấn hoặc hát khi cúng; nhạc cụ dùng cho các bài múa nghi lễ, lễ phục, tranh thờ; các loại đàn cúng bày ở giữa nhà hay ngoài nhà trong diễn trình mỗi nghi lễ; các lễ vật dâng cúng và phục vụ nghi lễ; các hình thức trang trí cho lễ đường và đàn cúng; tiền giấy burn cùng các loại dụng cụ tạo ra giấy burn và in ấn hoa văn trang trí thành tiền âm phủ;... Hơn nữa, tín ngưỡng còn giúp bảo tồn ngôn ngữ tộc người và các yếu tố văn hóa phi vật thể liên quan tới tín ngưỡng thông qua các quan niệm dân gian, vai trò của mỗi hình thức thờ cúng gắn với những lễ thức, nghi lễ khác nhau. Đặc biệt, tín ngưỡng truyền thống rất có giá trị duy trì nội dung phản ánh cũng như việc thực hành thường xuyên các bài cúng, bài hát, múa, phép thuật trừ tà ma,... Bên cạnh đó, tín ngưỡng còn phản ánh rõ nét về ý nghĩa của mỗi bức tranh thờ, mỗi hiện vật được bày cúng trong từng nghi lễ, các

bài nhạc của các loại nhạc cụ, hay một số kiêng kỵ nhằm đảm bảo trật tự khi thực hành nghi lễ và bảo vệ môi trường diễn ra nghi lễ.

Các hình thức tín ngưỡng được thể hiện qua quan niệm và việc thực hành các nghi lễ, lễ hội còn là môi trường năng động để cá nhân và cộng đồng người Dao ở nơi biên cương không chỉ hưởng thụ mà còn trực tiếp sáng tạo những nguyên bản và dị bản văn hóa mới, nhất là các loại hình nghệ thuật trang trí, những trò chơi dân gian, ca, múa, nhạc cho phù hợp với bối cảnh mới. Khi tham dự vào các công việc thờ cúng gắn với thực hành nghi lễ, người Dao được hòa vào các đặc trưng văn hóa, hòa cùng với cảnh quan môi trường lễ hội, tạo cho họ không khí vừa linh thiêng, vừa cảm hứng, thích thú, dẫn tới sự chú ý, ghi nhớ những yếu tố ấn tượng như biểu cảm của người khấn cúng, người thực hành lễ nghi, vật dâng cúng, ca, múa, nhạc, trò diễn. Đây vừa là thời điểm “nhập tâm”, thấm thấu văn hóa vào tâm tưởng mỗi người được trực tiếp tham dự nghi lễ, thể hiện sự hưởng thụ văn hóa, giải tỏa tâm linh của họ; vừa diễn ra sự trao truyền văn hóa cho thế hệ trẻ; đồng thời, khơi dậy sự sáng tạo của người dân.

Đặc biệt, ngoài việc giải tỏa các yếu tố tâm linh và tâm lý, hầu hết các hình thức tín ngưỡng truyền thống của đồng bào thể hiện qua những nghi lễ lớn, nhỏ với phạm vi thực hiện trong cộng đồng thôn làng hay gia đình đều là sự kiện quan trọng nhằm duy trì và phát huy các tập tục tương trợ, đoàn kết, cố kết giữa các gia đình cũng như giữa các thành viên trong dòng họ và trong mỗi gia đình người Dao. Qua đó, rất có ý nghĩa về giáo dục mỗi thành viên trong gia đình và cộng đồng, nhất là đối với những người chủ gia đình và trưởng dòng họ đã trải qua lễ cấp sắc, góp phần vào việc ổn định xã hội tộc người nói chung. Chẳng hạn như trong lễ cấp sắc, đàn ông Dao khi thụ lễ không chỉ được các thầy cúng căn dặn về các điều cấm kỵ và những điều phải làm để cứu người khác mà còn cấp âm binh để trợ giúp và theo dõi việc làm xấu hay tốt của người ấy trong suốt cuộc đời để khi chết sẽ được phán xử công minh. Thực tế cho thấy, rất nhiều lễ thức, nội dung các hình thức tín ngưỡng, nhất là các bài cúng và bài hát cùng với diễn trình của mỗi nghi lễ tín ngưỡng gắn với lễ vật dâng cúng, nghệ thuật trang trí, tranh thờ... là những thông tin, tín hiệu, dữ liệu về lịch sử di chuyển cư và cách thức ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội, với các tộc người láng giềng của người Dao và từng nhóm Dao. Do vậy, thông qua các hình thức thờ cúng, các nghi lễ tín ngưỡng, đặc biệt là những nghi lễ lớn như cúng Bàn Vương, cấp sắc, cúng miếu thôn/làng có thể nhận biết được lịch sử tộc người Dao ở các địa phương biên giới cũng như quá trình giao lưu và di chuyển di cư, sự thích ứng với môi trường của đồng bào (Lý Hành Sơn, 2020, tr. 99-100).

Ngày nay, trong sự tác động ngày càng mạnh mẽ của cơ chế thị trường và toàn cầu hóa, tín ngưỡng truyền thống của người Dao ở vùng biên giới Việt - Trung cũng như tộc người Dao và các tộc người thiểu số ở nước ta luôn có một vị trí cực kỳ quan trọng đối với việc gìn giữ các đặc trưng văn hóa tộc người, góp phần duy trì bức tranh văn hóa đa dạng của Việt Nam. Điều này nói lên rằng, tín ngưỡng truyền thống rất có giá trị, là di sản vô cùng

quý giá của mỗi tộc người, các cấp các ngành chức năng cần có những giải pháp phù hợp để bảo tồn bền vững, tránh sự chuyển đổi sang các tôn giáo ngoại lai.

3.2. Vấn đề đặt ra và kiến nghị

Từ khi Đổi mới năm 1986 đến nay, nghi lễ của người Dao ở vùng biên cương luôn được các ban ngành ở địa phương quan tâm duy trì, thậm chí khôi phục lại một số nghi lễ đã mất nhằm phục vụ cho hoạt động văn hóa quần chúng, phát triển du lịch. Song, việc gìn giữ các nghi lễ lớn đặc sắc của người Dao hiện nay và thời gian tới cũng đang đặt ra không ít vấn đề:

Thứ nhất, vấn đề mai một và biến đổi nghi lễ, nhất là các nghi lễ liên quan tới trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công. Hiện nay, một số nghi lễ nông nghiệp trong gia đình thường kết hợp cúng ma nhà vào dịp tết; ở phạm vi cộng đồng cư trú cũng kết hợp lễ cúng tại miếu làng hoặc trong lễ cầu mưa. Các nghi lễ như cầu mưa, cúng khi phát nương, cúng thóc giống... đã không còn duy trì ở một số địa phương do sự thay đổi về sinh kế. Phải chăng vấn đề đặt ra là cần quan tâm tới một số nghi lễ mà nền nông nghiệp ở đồng bào đang hướng tới như: nghi lễ bảo vệ rừng đầu nguồn, nghi lễ bảo vệ tài nguyên nước và môi trường sông suối, nghi lễ tổ nghề mới,...

Thứ hai, vấn đề một bộ phận người Dao hiện nay, nhất là Dao Tuyển ở một vài địa phương thuộc biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã bị ảnh hưởng đạo Tin lành. Họ đã bỏ bàn thờ tổ tiên, chỉ thờ chúa Giê-su, nên đã từ bỏ các nghi lễ truyền thống. Nếu tín ngưỡng truyền thống không tự biến đổi kịp thời và cùng với đó là đổi mới một số nghi lễ cho phù hợp với bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa thì theo thời gian, số người Dao bị lôi kéo theo Tin Lành sẽ ngày càng nhiều.

Thứ ba, vấn đề duy trì tín ngưỡng truyền thống trong bối cảnh môi trường tự nhiên đã thay đổi, xuất hiện nhiều loại sinh kế mới, nhận thức của người dân không ngừng được nâng cao. Vì vậy, một số yếu tố tín ngưỡng và nghi lễ truyền thống cần được đổi mới, chẳng hạn như tín ngưỡng đa thần đối với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nghề thủ công; quan niệm và cách phòng trừ các loại ma làm hại,... Đối với việc chữa bệnh, để thích ứng với môi trường mới, khi trong nhà có người ốm đau cần biết kết hợp vừa tổ chức cúng nếu nghi có ma làm hại và bói thầy, vừa sử dụng thuốc nam, đồng thời đưa người ốm đi khám tại các cơ sở y tế.

Thứ tư, vấn đề duy trì các thầy cúng người Dao - những người am hiểu, trực tiếp thực hành các nghi lễ, gìn giữ các vật thể văn hóa liên quan. Đội ngũ này là linh hồn các nghi lễ, họ vừa biết tường tận về các nghi lễ và các đặc điểm văn hóa tộc người, vừa là người thực hành các nghi lễ. Nơi nào khan hiếm hoặc mất đi đội ngũ đó, không có người chủ trì các nghi lễ cấp sắc, tang ma, cúng miếu làng... thì người dân có thể tìm đến tôn giáo mới. Tuy nhiên, nếu đội ngũ này bị ảnh hưởng cơ chế thị trường khi thực hành các nghi lễ nhằm vụ lợi cá nhân thì cũng tạo ra bất cập đối với việc duy trì và phát huy giá trị tín ngưỡng truyền thống.

Thứ năm, vấn đề mang lại lợi ích cho người dân và cộng đồng đối với việc duy trì, phát huy các giá trị của tín ngưỡng truyền thống, đặc biệt là di sản các nghi lễ trong bối cảnh cơ chế thị trường, phát triển du lịch. Đây là bài toán nan giải cho nhiều địa phương cũng như các ngành văn hóa, du lịch, an sinh xã hội... không chỉ đối với người Dao ở vùng biên giới mà cả các dân tộc khác. Hiện nay, có một số nơi đã có cơ hội gắn giá trị tín ngưỡng, nhất là các nghi lễ của người Dao với du lịch nhằm tạo ra thu nhập cho người dân. Song, liên quan tới vấn đề này là cần đảm bảo tính thiêng liêng các nghi lễ mỗi khi gắn với đời sống tâm linh của gia đình, cộng đồng cư trú thì mới không bị thương mại hóa do phục vụ phát triển du lịch.

Trên cơ sở phân tích những biến đổi trong tín ngưỡng truyền thống và một số vấn đề đặt ra hiện nay, bài viết xin đề xuất một vài kiến nghị sau:

- *Một là*, đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương người Dao thuộc vùng biên giới. Có một thực tế là bộ phận người Dao sinh sống tại những nơi còn khó khăn thì khả năng lưu giữ, thực hành các hình thức tín ngưỡng sẽ nhiều hơn, nhưng đây cũng là vấn đề dễ bị tôn giáo ngoại lai lợi dụng, do vậy cần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội kết hợp nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào. Đó là mục tiêu và có tác động trực tiếp đến các hoạt động văn hóa ở cơ sở, bao gồm phát huy các giá trị tín ngưỡng. Khi người dân có cuộc sống ổn định, có trình độ hiểu biết thì việc vận động họ duy trì các giá trị tín ngưỡng truyền thống sẽ rất thuận lợi, mà không bị các tôn giáo mới lợi dụng. Hơn nữa, phát triển kinh tế - xã hội kết hợp nâng cao dân trí cho người dân còn góp phần hình thành những giá trị văn hóa mới trong quá trình bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, tín ngưỡng truyền thống, khiến cho các di sản và giá trị tín ngưỡng trở nên phong phú, phù hợp với bối cảnh luôn đổi mới.

- *Hai là*, các cá nhân và cộng đồng người Dao mỗi địa phương thuộc vùng biên giới cần được tuyên truyền thường xuyên để họ nâng cao ý thức về các giá trị tín ngưỡng cổ truyền; cần được tham gia có hiệu quả vào công tác phát huy bản sắc của mình. Vì vậy, các ban, ngành chức năng ở địa phương không nên áp đặt, mà kiên trì tuyên truyền, khuyến khích đồng bào lựa chọn đúng hướng, phù hợp với nhu cầu gia đình, cộng đồng nhưng vẫn giữ được giá trị các hình thức tín ngưỡng cùng các nghi lễ cổ truyền. Một bộ phận lớp trẻ hiện nay ít quan tâm tới văn hóa tộc người, bởi họ sớm giao lưu với bên ngoài và sống trong môi trường văn hóa hiện đại. Song, do lớp trẻ là chủ nhân tương lai, nên các ban, ngành, đoàn thể địa phương cần gia tăng thời lượng tuyên truyền để họ thấu hiểu và biết trân trọng các giá trị văn hóa của mình.

- *Ba là*, mỗi gia đình, cộng đồng thôn làng người Dao nói chung và cá nhân thầy cúng cần nhận thấy rõ việc thực hành nghiêm cần các hình thức thờ cúng theo tín ngưỡng của mình là vinh dự, góp phần duy trì bản sắc tộc người Dao ở địa phương. Khi tổ chức các hình thức thờ cúng gắn với thực hành những nghi lễ thì rất cần tiết kiệm thời gian, công sức và tiền của, nhưng không vì thế mà giản lược, bỏ qua các chi tiết đặc trưng, tức cần phải làm đầy đủ

từ cách trang trí không gian, dựng đàn cúng, sử dụng đầy đủ các lễ phục, lễ vật dâng cúng, nhạc cụ, tranh thờ... cho đến các bước diễn trình, các bài cúng, múa, bùa chú, phép thuật, kiêng kỵ. Việc đổi mới cần đảm bảo giảm được về thời gian nhưng không làm mất giá trị của truyền thống. Các chi tiết của nghi lễ nếu làm đúng theo tập quán sẽ ít tốn kém. Lãng phí hiện nay là do thương mại hóa, tổ chức ăn uống linh đình và trang hoàng nghi lễ.

- *Bốn là*, các chủ gia đình, trưởng họ, các thầy cúng có uy tín cần nêu cao tinh thần giáo dục con cháu có nghĩa vụ gìn giữ các giá trị truyền thống của mình như tiếng Dao, chữ nôm Dao, các nghi lễ của gia đình và thôn/làng. Đặc biệt, vào thời điểm nông nhàn cuối năm, trưởng họ và thầy cúng nên xin phép chính quyền địa phương để mở lớp học theo tập quán tộc người đối với việc truyền dạy cho lớp trẻ về các giá trị trong tín ngưỡng của tộc người mình, về các bài cúng lễ, học các điệu múa, sử dụng nhạc cụ dân tộc, diễn trình một số nghi lễ lớn,...

- *Năm là*, các cấp các ngành và chính quyền địa phương cần sớm có giải pháp phù hợp để chăm lo đến đội ngũ các nghệ nhân tiêu biểu của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới, trong đó có thầy cúng của người Dao; tổ chức họ thành đội ngũ nghệ nhân - những người trí thức dân gian của tộc người để có những hình thức động viên, tặng quà vào các dịp lễ quốc gia như Ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam, Ngày Di sản văn hóa Việt Nam, dịp tết Nguyên đán,... Đây sẽ là một trong các hình thức động viên đội ngũ các thầy cúng nhằm tạo nên sự cân bằng với việc thăm hỏi của chính quyền và đoàn thể địa phương tới các tổ chức tôn giáo trên địa bàn.

Kết luận

Tín ngưỡng truyền thống của người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc rất phong phú, không chỉ thể hiện qua thế giới quan dân gian, mà còn được phản ánh rõ nét qua nhiều hình thức thờ cúng gắn với các nghi lễ diễn ra hàng năm trong mỗi gia đình, cộng đồng cư trú. Đó là các nghi lễ như cúng Bàn Vương, cấp sắc, cúng ma bản/làng,... Chưa kể tới các nghi lễ trong gia đình như cưới xin, tang ma, cúng tổ tiên. Vì thế, tín ngưỡng rất có giá trị, góp phần bảo tồn văn hóa dân tộc Dao nơi biên cương: từ thế giới quan dân gian, tập quán tương trợ nhau, truyền thống giáo dục, cố kết cộng đồng, đến việc duy trì lễ phục, nhạc cụ, các điệu múa, bài cúng,... Tuy vậy, hiện nay tín ngưỡng của đồng bào Dao ở vùng biên giới đã có nhiều biến đổi. Đó là sự mai một của nhiều hình thức thờ cúng, nghi lễ và lễ hội, đặc biệt là những nghi lễ liên quan tới trồng trọt, chăn nuôi và nghề thủ công gia đình; một bộ phận cư dân Dao nơi đây tiếp tục có nguy cơ bị đạo Tin Lành lôi kéo và xâm nhập; lớp trẻ ít quan tâm đến việc học hỏi để trở thành những nghệ nhân có khả năng thực hành các nghi lễ tín ngưỡng truyền thống. Do đó, các cấp các ngành cần có các giải pháp cụ thể, phù hợp với thực tế mỗi địa phương để bảo tồn, phát huy các giá trị của tín ngưỡng và các nghi lễ từ nhiều góc độ. Trong đó cần chú ý tới một số giải pháp: đổi mới chính sách văn hóa, nhất là chính sách đối với tín ngưỡng cổ truyền; phát triển kinh tế - xã hội ở vùng

đồng bào phải gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa; tạo ra nhu cầu tự bảo tồn của chủ thể tín ngưỡng; quan tâm đến đội ngũ các thầy cúng.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009, Kết quả toàn bộ*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
2. Bé Viết Đăng (1998), “Người Dao ở Việt Nam: Những truyền thống thời hiện đại”, trong: *Sự phát triển văn hóa xã hội người Dao: Hiện tại và tương lai* (Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về người Dao, tổ chức tại Thái Nguyên, tháng 12 năm 1995).
3. Bé Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Văn Hà (2006), “Biến đổi các nghi lễ truyền thống tại hai làng người Dao ở tỉnh Quảng Ninh: 1994 - 2004”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 12-19.
5. Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý (Chủ biên, 1999), *Văn hoá truyền thống người Dao ở Hà Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Lý Dương Liễu (Chủ biên, 2004), *Người Dao ở Lạng Sơn*, Sở Văn hóa Thông tin Lạng Sơn.
7. Nhà xuất bản Thông tấn (2007), *Người Dao ở Việt Nam (The Yao people in Vietnam)*, Nxb. Thông Tấn, Hà Nội.
8. Lý Hành Sơn (2019), “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản nghi lễ của người Dao ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, Tập 8, số 1, tr. 119-125.
9. Lý Hành Sơn (2020), “Giá trị tín ngưỡng truyền thống của người Dao Tiền ở nước ta hiện nay và vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 96-107.
10. Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê (2020), *Đặc trưng cơ bản của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
11. Trần Thị Hồng Yến (Chủ biên, 2018), *Biến đổi về văn hóa, xã hội của cộng đồng cư dân theo đạo Tin Lành ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc (Từ 2005 đến nay)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.